

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/DS-ST

Ngày: 21-8-2020.

“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Kim Phụng.
2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2020/TLST-DS ngày 22/4/2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2020/QĐXXST-DS ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng A: Bà Trần C; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần C: Ông Ngô D; Chức vụ: Giám đốc – Ngân hàng A – Chi nhánh Đồng Tháp. *Người đại diện hợp pháp của ông Ngô D:* Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1986; Chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân.

Địa chỉ liên hệ: Số Q, Đường W, Phường Y, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.
Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020).

- Bị đơn:

1/ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 156, đường Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 17, khóm 2, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Trần Thị Mộng T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 1, khóm 1, Phường 3, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà Z, đường X, tổ N, khóm M, Phường K, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Nguyễn Văn E có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Văn Đ và Trần Thị Mộng T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn E đại diện Ngân hàng A trình bày: Ngày 23/5/2019, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T có vay vốn tại Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019 với những nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).
- Mục đích vay: Mua bán nhỏ.
- Thời hạn vay: 270 ngày.
- Loại hình tín dụng: Trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày.
- Lãi suất cho vay: 1.333%/ tháng (tính lãi gộp).
- Lãi suất quá hạn (chậm trả): 2%/tháng.

- Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: 01 chiếc xe nhãn hiệu: HONDA (AIR BLADE); giấy chứng nhận đăng ký mô tô, gắn máy số: 092266; Biển kiểm soát: 66C1- 287.88; Màu sơn: Vàng Đen Xám; dung tích: 125; Số máy: JF63E1034126; Số khung: 6308FZ03408, do Phòng cảnh sát giao thông Công An tỉnh Đồng Tháp cấp ngày: 01/10/2018 cho Nguyễn Văn Đ (đăng ký lần đầu ngày 23/6/2016).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận đã ký kết. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T cam kết thanh toán nợ nhưng không thực hiện và hiện tại hợp đồng nêu trên đã quá hạn nhưng vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 29/02/2020, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể:

- Vốn gốc: 24.111.111 đồng.
- Lãi trong hạn: 2.892.610 đồng.
- Lãi chậm trả: 253.201 đồng.

- Lãi quá hạn: 3.166.593 đồng.
Tổng cộng: 30.423.514 đồng.

Nay ngân hàng Kiên Long yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long số tiền là 30.423.514 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố từ ngày 01/3/2020 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Yêu cầu công nhận hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019 để xử lý tài sản đã cầm cố đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T liên đới trả nợ cho Ngân hàng A tiền nợ gốc là 24.111.000 đồng, tiền lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 8.872.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.983.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại yêu cầu công nhận hợp phần cầm cố tài sản thuộc hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019 để xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T nhưng ông Đ và bà T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng. Bị đơn bà Nguyễn Văn Đ và Trần Thị Mộng T có địa chỉ tại Phường 1 và Phường 6, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và Trần Thị Mộng T liên đới trả nợ cho Ngân hàng A tiền vốn và lãi.

Theo đơn khởi kiện: Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 30.423.514 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố từ ngày 01/3/2020 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T liên đới trả nợ cho Ngân hàng A tiền nợ gốc là 24.111.000 đồng, tiền lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 8.872.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.983.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019 thì ông Đ và bà T ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng A để vay số tiền 35.000.000 đồng, ông Đ và bà T đã trả cho Ngân hàng tiền vốn gốc là 10.889.000 đồng. Quá trình vay vốn, ông Đ và bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng Kiên Long theo đúng như thỏa thuận đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở khi đến hạn thanh toán nợ nhưng ông Đ và bà T không thực hiện mặc dù đã có cam kết trả nợ. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Đ và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 24.111.000 đồng, tiền lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 8.872.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.983.000 đồng. Số tiền vay trên, Tòa án đã thông báo cho ông Đ và bà T biết; đồng thời có thông báo công khai chứng cứ cho ông Đ và bà T nhưng ông Đ và bà T không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên chấp nhận.

[3] Về lãi suất, lãi quá hạn và lãi chậm trả: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng A yêu cầu ông Đ và bà T trả lãi cho Ngân hàng bao gồm lãi trong hạn, lãi chậm trả, lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019 đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng A yêu cầu ông Đ và bà T liên đới trả lãi cho Ngân hàng bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019 kể từ ngày 22/8/2020 đến khi thanh toán dứt nợ. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với nội dung thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng A yêu cầu giải quyết xử lý tài sản cầm cố là 01 chiếc xe nhãn hiệu: HONDA (AIR BLADE); giấy chứng nhận đăng ký mô tô,

gắn máy số: 092266; Biên kiểm soát: 66C1- 287.88; Màu sơn: Vàng Đen Xám; dung tích: 125; Số máy: JF63E1034126; Số khung: 6308FZ03408, do Phòng cảnh sát giao thông Công An tỉnh Đồng Tháp cấp ngày: 01/10/2018 cho Nguyễn Văn Đ (đăng ký lần đầu ngày 23/6/2016) theo theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019, để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng A. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn E đại diện Ngân hàng A rút yêu cầu khởi kiện về tài sản cầm cố. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với tài sản cầm cố là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận, đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu giải quyết tài sản cầm cố thuộc phần hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019.

[5] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A nên ông Đ và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.649.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng A được nhận tiền tạm ứng án phí là 1.061.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004604 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A tiền vốn vay là 24.111.000 đồng, tiền lãi (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 8.872.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.983.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng đã ký kết số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019 kể từ ngày 22/8/2020 đến khi thanh toán dứt nợ.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng A về việc xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe nhãn hiệu: HONDA (AIR BLADE); giấy chứng nhận đăng ký mô tô, gắn máy số: 092266; Biển kiểm soát: 66C1- 287.88; Màu sơn: Vàng Đen Xám; dung tích: 125; Số máy: JF63E1034126; Số khung: 6308FZ03408, do Phòng cảnh sát giao thông Công An tỉnh Đồng Tháp cấp ngày: 01/10/2018 cho Nguyễn Văn Đ, theo hợp đồng tín dụng/kiêm hợp đồng cầm cố số NN00426/HĐTD-CC ngày 23/5/2019.

Án phí: Ông Nguy Văn Đệ và bà Trần Thị Mộng T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.649.000 đồng.

Ngân hàng A được nhận tiền tạm ứng án phí là 1.061.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004604 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mộng T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực thi hành ngày 02/10/2020.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh